

THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 MÔN TIẾNG ANH: GÓC NHÌN TỪ GIÁO VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nguyễn Thị Hồng Nhật[†],
Đỗ Thị Thanh Dung,
Luu Thị Hương,
Nguyễn Thị Minh Phương,
Trần Thị Minh Phương,
Mai Thị Vân Anh

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
+Tác giả liên hệ • Email: nguyenthihongnhat@hpu2.edu.vn

Article history

Received: 01/12/2022

Accepted: 13/02/2023

Published: 05/3/2023

Keywords

New English Curriculum,
curriculum implementation,
curriculum evaluation,
English teachers

ABSTRACT

To meet the requirements of international integration, the Vietnamese education system has embraced essential changes in terms of scale, quantity and quality of contents, methods and modes of training together with the launch of the new English curriculum in 2018. This study collected data via a questionnaire (N = 376) and interviews (N = 90) with English-as-a-foreign-language teachers at primary, secondary and high school levels in a northern province of Vietnam. The study showed that while there remained so many challenges including inadequacies in terms of teaching staff, facilities, and training, the teachers actively found ways to overcome difficulties and have been the active root of innovation, contributing to determining the quality of education and training. The results contribute to the understanding of the actual situation, opportunities and challenges in this process, thereby making implications for relevant stakeholders to support the practice effectively in the coming years. Therefore, the research results from this study can be an important reference for other localities to draw lessons and experiences in similar contexts.

1. Mở đầu

Nâng cao chất lượng giáo dục thường được nhiều chính phủ coi là chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy phát triển quốc gia. Những nghiên cứu của Guthrie (2012), Pietarinen và cộng sự (2017) cho thấy các quốc gia trên thế giới đã tích cực thực hiện đổi mới chương trình. Tuy nhiên, cải cách chương trình giảng dạy thường tập trung vào việc phát triển chương trình giảng dạy mà thiếu chú trọng đến việc thực hiện chương trình giảng dạy, dẫn đến nhiều trở ngại trong quá trình triển khai. Bên cạnh đó, khoảng cách giữa nhận thức của xã hội, GV và HS về chương trình mới còn rất lớn và hiệu quả triển khai chưa cao (Hallinger & Bryant, 2013).

Ở Việt Nam, hệ thống giáo dục đã trải qua một số lần sửa đổi và cập nhật chương trình giảng dạy quan trọng trong lịch sử và lần đổi mới chương trình mới nhất diễn ra vào năm 2018, với mục đích điều chỉnh lại hệ thống giáo dục để đáp ứng các yêu cầu mới. Ngày 26/12/2018, Bộ GD-ĐT đã ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) - Chương trình tổng thể theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, một tài liệu chung hợp thành ý tưởng về một chương trình giảng dạy quốc gia. Văn bản này quy định những vấn đề chung nhất, có tính chất định hướng của GDPT, bao gồm quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình GDPT và mục tiêu chương trình từng cấp học, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi, hệ thống môn học, thời lượng của từng môn học, định hướng nội dung giáo dục bắt buộc ở từng lĩnh vực giáo dục và phân chia vào các môn học ở từng cấp học đối với tất cả HS trên phạm vi toàn quốc; định hướng về phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục và điều kiện để thực hiện chương trình GDPT. Theo đó, chương trình các môn học bao gồm môn Tiếng Anh được ban hành nêu rõ vị trí, vai trò môn học trong thực hiện mục tiêu GDPT, mục tiêu và yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục cốt lõi của môn học ở mỗi lớp học hoặc cấp học đối với tất cả HS trên phạm vi toàn quốc, định hướng kế hoạch dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục của môn học. Có thể nói, đây là lần đầu tiên Việt Nam có chương trình GDPT tổng thể và chương trình môn học, điều này mang lại những thuận lợi và khó khăn nhất định trong quá trình triển khai chương trình.

Một số nghiên cứu đã được thực hiện nhằm xác định những thách thức và cơ hội trong việc thực hiện chương trình giảng dạy mới. Về thuận lợi, các nhà nghiên cứu nhận định rằng chương trình tiếng Anh mới nâng cao tư duy phân biện, lấy khả năng giao tiếp làm trung tâm của việc học, thúc đẩy sự quan tâm và động lực của HS, từ đó tạo cơ hội cho GV thực hiện chương trình hiệu quả hơn (Vu, 2020). Ngoài ra, số giờ giảng, nội dung giảng dạy, chủ đề thảo luận, công việc của GV trong việc biên soạn tài liệu giảng dạy cũng giảm; nội dung ngữ pháp; kỹ năng nghe, đọc, nói, viết được chú trọng hơn (Riadi, 2019). Thêm vào đó, các hội thảo tập huấn về phương pháp luận và đánh giá được xây dựng phù hợp với chương trình thí điểm đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai chương trình và sách giáo khoa mới (Mandukwini, 2016). Trong một nghiên cứu khác, các GV tham gia nghiên cứu cho rằng việc thực hiện chương trình mới thường xuyên được giám sát và kiểm tra bởi các bên liên quan bao gồm Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT và lãnh đạo nhà trường (Le et al., 2020).

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cũng đã tìm hiểu những thách thức trong việc thực hiện chương trình giảng dạy mới. Các nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng cho thấy chương trình mới khó và nặng về khối lượng công việc được phân bổ cho việc dạy và học trên lớp (Boon, 2018; Echeverri & Sierra, 2019; Saleem & Akbar, 2020). Đồng thời, việc triển khai chương trình mới rất phức tạp do thiếu cơ sở vật chất, hạ tầng; năng lực và số lượng GV còn hạn chế (Do et al., 2022; Madondo, 2020; Ngwenya, 2019; Phan, 2017; Vu, 2020). Nhiều GV bày tỏ mong muốn về các chính sách phù hợp của Bộ GD-ĐT để thực hiện chương trình giảng dạy hiệu quả (Oundo, 2017; Saleem & Akbar, 2020). Nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, áp lực thời gian là rào cản trong quá trình thực hiện chương trình tiếng Anh mới (Nguyen, 2017; Torto, 2017). Hơn nữa, nhu cầu về đào tạo bài bản đã được nhấn mạnh để đảm bảo các đổi mới trong chương trình học được thực hiện một cách hiệu quả (MacDonald et al., 2016; Phillips et al., 2017). Việc thiếu đào tạo hoặc hướng dẫn chuyên môn cho chương trình giảng dạy được cho là cản trở việc thực hiện chương trình mới đến HS (Bell, 2015; Caropreso et al., 2016; Do et al., 2022; McNeill et al., 2016).

Có thể thấy rõ ràng rằng, các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra nhu cầu xác định các yếu tố mà GV quan tâm và những rào cản đối với việc thực hiện hiệu quả chương trình giảng dạy. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu đều tập trung vào những thách thức trong việc thực hiện chương trình giảng dạy mà chưa chú trọng vào nghiên cứu trải nghiệm thực tế từ người thực hiện chương trình về thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai. Cụ thể là, cho đến nay, hầu như chưa có nhiều nghiên cứu tìm hiểu về quan điểm của GV tiếng Anh về cơ hội và thách thức trong việc triển khai chương trình tiếng Anh mới trong bối cảnh của Việt Nam nói chung và các tỉnh phía Bắc nói riêng.

Từ năm 2019, các địa phương và trường học ở Việt Nam đã từng bước hiện thực hóa Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh, tuy nhiên hiện nay vẫn còn thiếu các nghiên cứu khoa học để đánh giá hiệu quả của quá trình triển khai chương trình. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích hiểu rõ hơn về thực trạng triển khai chương trình GDPT ở một tỉnh phía Bắc của Việt Nam. Dữ liệu được thu thập và phân tích thông qua góc nhìn của GV tiếng Anh, là người trực tiếp tham gia thực hiện chương trình. Nghiên cứu được thực hiện để trả lời 2 câu hỏi sau: (1) Những thuận lợi trong quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh là gì?; (2) Những thách thức trong quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh là gì? Nghiên cứu này thu thập dữ liệu thông qua bảng câu hỏi (N = 376) và bài viết chiêm nghiệm (N = 90) với GV tiếng Anh ở cấp tiểu học, THCS và THPT ở một tỉnh phía Bắc của Việt Nam.

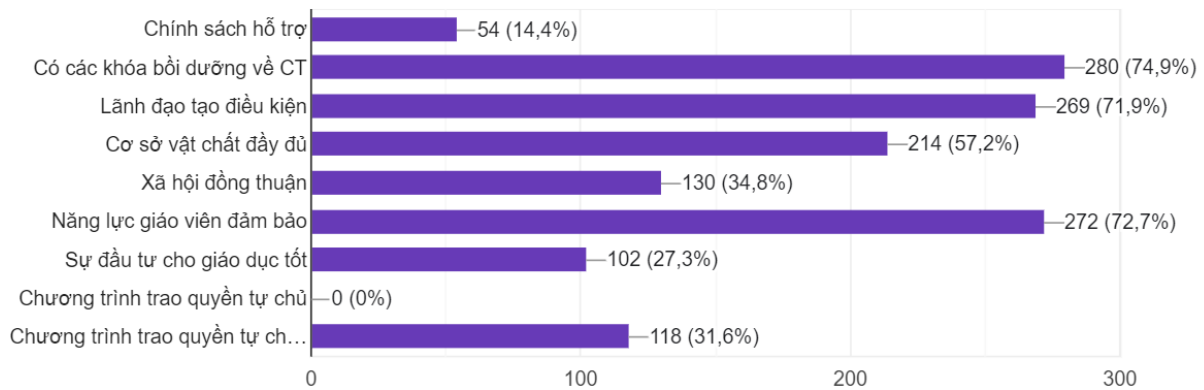
2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Những thuận lợi trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh

Hai công cụ được sử dụng để thu thập dữ liệu bao gồm bảng khảo sát online và bài chiêm nghiệm. Câu trả lời của GV trong bảng khảo sát online cho thấy bức tranh tổng quan về thực hiện Chương trình GDPT 2018 tại một tỉnh phía Bắc của Việt Nam. Những thuận lợi khi thực hiện chương trình được thể hiện ở biểu đồ 1.

Có thể thấy những thuận lợi khi triển khai thực hiện chương trình được thể hiện ở 3 yếu tố chính, đó là: (1) số lượng các khóa tập huấn bồi dưỡng về chương trình mà GV được tham gia; (2) yếu tố về năng lực GV và (3) sự quan tâm, tạo điều kiện từ cấp trên bao gồm Sở, Phòng và lãnh đạo nhà trường. Ba yếu tố này lần lượt chiếm 74,9%, 72,7% và 71,9%. Bên cạnh đó, những GV tham gia khảo sát còn cho rằng chính sách hỗ trợ của các cấp trên, cơ sở vật chất, sự đồng thuận của xã hội, sự đầu tư cho giáo dục và những điểm mới của chương trình cũng góp phần tạo nên những thành công khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Thông qua bài chiêm nghiệm của GV về triển khai Chương trình GDPT 2018 (N = 90), đại đa số GV khi được hỏi về những thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện chương trình đều đưa ra những thuận lợi có thể chia thành 4 yếu tố: (1) thuận lợi từ phía nhà trường, phòng giáo dục; (2) thuận lợi từ GV; (3) thuận lợi từ chương trình, sách giáo khoa và (4) thuận lợi từ phía phụ huynh HS.



Biểu đồ 1. Những thuận lợi khi thực hiện Chương trình GPPT 2018 (N = 376)

Thứ nhất, những thuận lợi đầu tiên đến từ phía nhà trường, Phòng và Sở GD-ĐT. Ngay từ đầu năm học, Sở, Phòng GD-ĐT đã lên kế hoạch tập huấn cho toàn bộ GV tiếng Anh của tỉnh về Chương trình GDPT 2018. Hàng năm, GV thường được tham gia các khóa học tập huấn về chương trình sách giáo khoa, những đổi mới trong chương trình, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Về phía nhà trường, Ban Giám hiệu đã tổ chức, hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy cho GV. Với những khóa tập huấn từ Sở, Phòng, nhà trường, GV được trang bị những kiến thức mới, cập nhật những thay đổi để tự tin áp dụng chương trình vào giảng dạy. *Thứ hai*, những thuận lợi đến từ phía GV, một trong những nhân tố chính thực hiện và quyết định sự thành công của Chương trình GDPT 2018. Nhiều GV trong bài chiêm nghiệm chỉ ra rằng GV tiếng Anh trên toàn tỉnh đại đa số đều nhiệt tình, năng động, tâm huyết với nghề và có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu giảng dạy. *Thứ ba*, thuận lợi từ chương trình, sách giáo khoa. Chương trình có sự đổi mới, kế thừa và phát triển theo vòng xoáy đồng tâm. Một chương trình nhưng có nhiều bộ sách giáo khoa. GV, nhà trường được trao cơ hội chủ động trong việc lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. *Thứ tư*, sự thành công của Chương trình GDPT 2018 không thể không kể đến sự ủng hộ của phụ huynh HS. Phụ huynh HS luôn quan tâm, ủng hộ thực hiện sự thay đổi, cải tiến trong chương trình GDPT mới. Sự đồng hành, ủng hộ của phụ huynh HS tạo niềm tin để nhà trường, GV thực hiện chương trình.

2.2. Những thách thức trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh

Hai công cụ khảo sát đã thể hiện được bức tranh chung về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 ở các trường tiểu học, THCS và THPT với nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Khảo sát thu được 376 phản hồi và kết quả cho thấy trong quá trình thực hiện triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh trên địa bàn tỉnh, các GV đã gặp rất nhiều thách thức (bảng 1).

Bảng 1. Những thách thức trong quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh

STT	Những thách thức	N
1	Khối lượng công việc nhiều	263
2	Sách giáo khoa thay đổi liên tục	254
3	GV phải thích ứng với nhiều điểm mới	200
4	Yêu cầu về năng lực giảng dạy (phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá)	162
5	Công tác xã hội hóa gặp nhiều khó khăn, phụ huynh ít quan tâm	159
6	Sự khác biệt giữa chương trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá	149
7	Áp lực về phổ cập	103
8	Thiếu cơ sở vật chất cần thiết	96
9	Chưa có các khóa bồi dưỡng về Chương trình GDPT 2018	15

Trong số các khó khăn chính được GV đưa ra, khối lượng công việc nhiều và sách giáo khoa thay đổi liên tục là hai trở ngại lớn nhất ảnh hưởng đến quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh, với tỉ lệ cao nhất lần lượt là 71,9% và 69,4%. Tiếp theo đó, các GV cũng cho rằng yêu cầu GV phải thích ứng với nhiều điểm mới của chương trình, đòi hỏi GV phải nâng cao năng lực giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng là những điểm khiến GV thấy hết sức khó khăn để thích nghi, gần một nửa số GV được khảo sát đều đồng ý như vậy (tỉ lệ này tương ứng là 54,6% và 44,3%). Bên cạnh đó, điểm khác biệt của chương trình yêu cầu GV phải thực hiện xã hội hóa các

công tác liên kết giữa phụ huynh HS, nhà trường và địa phương, đây cũng là một thách thức không nhỏ khi 43,4% GV đều cho rằng đây là một khó khăn lớn đối với họ. Đồng thời, sự khác biệt giữa chương trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá cũng là một trong những khó khăn lớn mà GV thấy ở Chương trình GDPT 2018 (với 40,7% ý kiến phản hồi). Ngoài những khó khăn lớn nhất được kể ở trên, áp lực về phổ cập và thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng chiếm tới 28,1% và 26,2% ý kiến của GV về những thách thức họ gặp phải trong quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018. Tuy vậy, một số ít GV (khoảng 15%) đồng ý rằng chưa có nhiều khóa học bồi dưỡng về chương trình này. Bên cạnh những khó khăn đến từ chính bản thân Chương trình GDPT 2018, GV cũng gặp nhiều thách thức lớn trong quá trình triển khai, điển hình như bản thân HS ở nông thôn, miền núi chưa có năng lực đáp ứng nội dung chương trình, tinh thần học tiếng Anh chưa cao, lượng từ vựng ít, thái độ học tiếng Anh cũng chưa được nâng cao khiến kết quả đạt được chưa được tốt (62%), chất lượng đầu vào của HS thấp (52%). Bên cạnh đó, 22% GV được hỏi cho rằng sách giáo khoa đắt nhưng lại chưa có nhiều tài liệu tham khảo khiến GV phải vất vả tìm thêm tài liệu để bổ sung. Ngoài ra, một số khó khăn cũng được GV đề cập tới như điều kiện trường ở xa, chưa tiếp nhận được sự thay đổi nhanh và hiệu quả, phụ huynh HS chưa thực sự quan tâm đến con em mình và môn Tiếng Anh.

Bên cạnh những khó khăn được GV chia sẻ và khảo sát, nghiên cứu cũng tìm hiểu các lí do khiến quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh trở nên khó khăn và thách thức với các thầy cô thông qua bài chiêm nghiệm. Hầu hết GV cho rằng do khối lượng công việc nhiều, phải dạy nhiều tiết, áp lực để thay đổi về phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khiến cho quá trình triển khai chương trình diễn ra chưa được hiệu quả như ý muốn. Rất nhiều GV cũng cho rằng sách giáo khoa thay đổi liên tục, GV và HS vừa làm quen với bộ sách này thì lại thay sách khác khiến cho các tài liệu không được dùng, gây lãng phí, HS khó thích nghi với sách mới, nội dung mới. Cụ thể, 5 GV từ 5 trường khác nhau của tỉnh cho biết, mỗi năm trường thay đổi một bộ sách mới cho HS, năm 2018 HS lớp 2 học bộ sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhưng năm sau nhà trường thay đổi sách, HS lớp 2 học bộ sách mới của Smart Learning. Thực tế này cũng xuất phát từ chủ trương của Chương trình GDPT 2018 khi Bộ GD-ĐT giao quyền quản lí, chọn tài liệu nguồn học cho nhà trường dẫn đến sự không đồng bộ về bộ sách giáo khoa của các nhà trường trong cùng một huyện hoặc tỉnh. Lí do tiếp theo được các GV đưa ra đó là việc triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá khiến công việc trở nên cảm tính và chưa được sát sao. Ví dụ, cô Nga (tên đã được thay đổi) cho biết, trước đây bài kiểm tra tiếng Anh lớp 1, 2 được đánh giá bằng điểm số nhưng bây giờ chuyển sang nhận xét tốt, khá, đạt nên không có sự phân biệt rạch ròi giữa năng lực của HS, bài kiểm tra miệng được thay thế bằng bài kiểm tra giữa kì nên một năm học của HS chỉ được đánh giá qua 2 bài thi giữa kì và cuối kì, điều này có thể sẽ làm giảm khả năng đánh giá chính xác năng lực của một HS. Một lí do cũng rất được các GV đồng tình đó là sự quan tâm của phụ huynh đối với môn Tiếng Anh chưa cao, dẫn đến sự bỏ bê hoặc coi nhẹ của HS đối với môn học, khiến GV gặp nhiều khó khăn trong quá trình giảng dạy. Thầy Bình (tên đã được thay đổi) cho biết công tác xã hội hóa cũng trở nên khó khăn vì GV tiếng Anh không đủ, họ phải nhận dạy với số lượng nhiều giờ trong tuần, một số trường không đủ nguồn lực phải thuê GV ngoài dạy nhưng cũng chưa đáp ứng được hoàn toàn chất lượng và giờ dạy.

2.3. Kiến nghị

Dựa trên những thuận lợi và thách thức kể trên, một số kiến nghị được đưa ra để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu, từ đó nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình trong giai đoạn tới như sau:

Thứ nhất, nâng cao phương pháp giảng dạy cho GV để đáp ứng mục tiêu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp cho HS. Một trong những điểm mạnh của địa phương này là có nhiều chương trình tập huấn, bồi dưỡng dành cho GV. Nhiều khóa đào tạo được tổ chức dưới hình thức tập trung như lớp học truyền thông. Từ đề xuất của chính GV và dựa trên tình hình thực tế, việc thay đổi hình thức bồi dưỡng là một trong những phương án giúp nâng cao phương pháp giảng dạy. Cụ thể, thay vì chỉ tổ chức bồi dưỡng vào thời gian nghỉ hè, chuyên gia đào tạo đồng hành cùng GV trong suốt quá trình thực hiện chương trình dạy học. Hoạt động này cho phép GV có được sự hỗ trợ trực tiếp từ chuyên gia và thực hành ngay trên lớp học thực tế, từ đó phát huy giá trị của chương trình tập huấn, bồi dưỡng.

Thứ hai, cải thiện chính sách đãi ngộ đối với GV, cụ thể là nâng cao thu nhập và tạo ra môi trường làm việc đáng khích lệ, đầy đủ phương tiện dạy học hiện đại. Kết quả khảo sát cho thấy, đề xuất nâng lương được phần lớn GV lựa chọn để họ có thể đảm bảo đời sống và yên tâm công tác. Về cơ sở vật chất, việc trang bị các phương tiện hiện đại, đáp ứng với yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay là điều kiện quan trọng để GV nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, sự ghi nhận của nhà trường và các cấp lãnh đạo về những nỗ lực vượt qua khó khăn của GV góp phần tạo thêm động lực để họ tiếp tục phấn đấu.

Bên cạnh đó, việc đồng nhất về chương trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá là rất cần thiết. Điều này đảm bảo cho GV yên tâm giảng dạy với nội dung được giới thiệu trong sách giáo khoa, chủ động tìm tòi khai thác thêm các tài liệu bên ngoài và tập trung vào phát triển kỹ năng ngôn ngữ cho HS thay vì chú trọng vào giảng dạy từ vựng và ngữ pháp đơn lẻ. Sự ổn định về sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục cũng rất quan trọng, góp phần cho sự thành công của việc triển khai chương trình. GV cần có thời gian để nghiên cứu tài liệu, soạn bài, có những chiêm nghiệm và điều chỉnh phù hợp cho những năm giảng dạy tiếp theo. Vì vậy, thời gian thay đổi sách giáo khoa nên được cân nhắc phù hợp.

Nhìn chung, nghiên cứu đã chỉ ra một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình GDPT môn Tiếng Anh tại địa phương này. Trong khi còn nhiều thách thức (trong đó có bất cập về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, đào tạo), các đơn vị quản lý và bản thân GV đã chủ động tìm cách phát huy điểm mạnh và khắc phục khó khăn. Kết quả nghiên cứu góp phần hiểu rõ thực trạng, cơ hội và thách thức trong quá trình thực hiện Chương trình GDPT 2018, từ đó đưa ra đề xuất quan trọng cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ thực tiễn một cách hiệu quả trong những năm tới.

3. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu những thuận lợi và thách thức trong quá trình triển khai Chương trình GDPT môn Tiếng Anh tại một tỉnh phía Bắc của Việt Nam thông qua góc nhìn của GV - người trực tiếp tham gia thực hiện chương trình. Kết quả nghiên cứu cho thấy những điểm chính sau:

Trong hai năm thực hiện chương trình, GV gặp một số khó khăn nhất định. Nổi bật trong số đó là khối lượng công việc lớn của GV, bao gồm cả việc làm quen với sách giáo khoa mới. GV thực hiện chương trình mới cần thay đổi về phương pháp dạy học truyền thống sang định hướng giao tiếp và cập nhật sách giáo khoa mới. Đây không phải là thách thức lớn đối với các trường đã sử dụng bộ sách tiếng Anh thí điểm và tiếp tục lựa chọn Global Success làm tài liệu chính nhưng đối với các trường lựa chọn các bộ sách khác thì GV cần dành nhiều thời gian nghiên cứu sách giáo khoa và lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án mới. Tuy nhiên, nhà trường dù lựa chọn bộ sách nào, GV đều cần phải thay đổi nội dung giảng dạy nặng về kiến thức từ vựng, ngữ pháp mà trước đây thường dùng. Để đạt được mục tiêu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) là một thách thức lớn, đặc biệt trong bối cảnh lớp học sĩ số đông. Hơn thế nữa, một số đơn vị vẫn gặp tình trạng thiếu GV nên có những GV phải đảm nhiệm nhiều tiết dạy, phần nào ảnh hưởng tới chất lượng công việc.

Tuy còn nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, không phủ nhận rằng GV tiếng Anh tại địa phương này có những thuận lợi lớn. Trước hết, đó là sự tâm huyết với nghề nghiệp và tinh thần không ngừng học hỏi, nâng cao về chuyên môn của họ. Nhiều GV đã đạt được trình độ yêu cầu về năng lực ngôn ngữ và có khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc cũng như ngoài cuộc sống. Các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh được tổ chức vào giai đoạn hè để GV có điều kiện học tập trung. Hơn thế nữa, phương pháp giảng dạy theo định hướng giao tiếp còn được bồi dưỡng thường xuyên qua sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường và các khóa đào tạo, tập huấn của Phòng và Sở. GV đánh giá cao sự cần thiết của những hoạt động phát triển chuyên môn chất lượng. Ngoài ra, một lợi thế khác được ghi nhận là cơ sở vật chất đáp ứng các yêu cầu của đổi mới, cho phép GV ứng dụng công nghệ thông tin vào lớp học. Những điểm mạnh này phản ánh sự đầu tư của địa phương trong việc hỗ trợ GV thực hiện chương trình giảng dạy.

Trong rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của Chương trình GDPT 2018, GV là một yếu tố đóng vai trò quyết định. Chính vì vậy, bên cạnh những nỗ lực từ bản thân, GV cần được hỗ trợ và động viên từ chính sách đến thực tiễn, từ các bên liên quan bao gồm nhà quản lý, đồng nghiệp, phụ huynh và HS. Khi được trang bị những công cụ cần thiết, GV sẽ biết vận dụng những thuận lợi để vượt qua những khó khăn, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình GDPT 2018.

Tài liệu tham khảo

- Bell, H. (2015). The Dead Butler revisited: grammatical accuracy and clarity in the English Primary Curriculum 2013-2014. *Language and Education*, 29(2), 140-152. <https://doi.org/10.1080/09500782.2014.988717>
- Boon, S. N. (2018). Challenges to curriculum implementation: Reducing the gap between the aspired and its implementation through change management. *Asia Pacific Journal on Curriculum Studies*, 1(1), 14-19. <https://doi.org/10.53420/apjcs.2018.3>

- Caropreso, E., Haggerty, M., & Ladenheim, M. (2016). Writing instruction and assignments in an honors curriculum: Perceptions of effectiveness. *Journal of the National Collegiate Honors Council*, 17(1), 257-269.
- Do, T. T. T., Sellars, M., & Le, T. T. (2022). Primary English language education policy in Vietnam's disadvantaged areas: Implementation barriers. *Education Sciences*, 12(7). <https://doi.org/10.3390/educsci12070445>
- Echeverri, P., & Sierra, A. (2019). Implementing a standards-based English curriculum: The case of public secondary schools in Medellin. *Folios*, 50, 139-155. <https://doi.org/10.17227/folios.50-10227>
- Guthrie, G. (2012). The failure of progressive classroom reform: Lessons from the Curriculum Reform Implementation Project in Papua New Guinea. *Australian Journal of Education*, 56(3), 241-256. <https://doi.org/10.1177/000494411205600304>
- Hallinger, P., & Bryant, D. A. (2013). Synthesis of findings from 15 years of educational reform in Thailand: Lessons on leading educational change in East Asia. *International Journal of Leadership in Education*, 16(4), 399-418. <https://doi.org/10.1080/13603124.2013.770076>
- Le, M. D., Nguyen, H. T. M., & Burns, A. (2020). English primary teacher agency in implementing teaching methods in response to language policy reform: A Vietnamese case study. *Current Issues in Language Planning*, 22(1-2), 199-224. <https://doi.org/10.1080/14664208.2020.1741209>
- MacDonald, A., Barton, G., Baguley, M., & Hartwig, K. (2016). Teachers' curriculum stories: Perceptions and preparedness to enact change. *Educational Philosophy and Theory*, 48(13), 1336-1351. <https://doi.org/10.1080/00131857.2016.1210496>
- Madondo, F. (2020). Perceptions on Curriculum Implementation: A Case for Rural Zimbabwean Early Childhood Development Teachers as Agents of Change. *Journal of Research in Childhood Education*, 35(3), 1-18. <https://doi.org/10.1080/02568543.2020.1731024>
- Mandukwini, N. (2016). *Challenges towards curriculum implementation in high schools in Mount Fletcher District, Eastern Cape*. Published M.A. thesis, University of South Africa.
- McNeill, K. L., Katsh-Singer, R., Gonzalez-Howard, M., & Loper, S. (2016). Factors impacting teachers' argumentation instruction in their science classrooms. *International Journal of Science Education*, 38(12), 2026-2046. <https://doi.org/10.1080/09500693.2016.1221547>
- Nguyen, T. (2017). *Vietnam's National Foreign Language 2020 Project after 9 years: A difficult stage*. The Asian Conference on Education & International Development. Retrieved from http://papers.iafor.org/wp-content/uploads/papers/aceid2017/ACEID2017_35175.pdf
- Ngwenya, V. C. (2019). Curriculum implementation challenges encountered by primary school teachers in Bulawayo Metropolitan Province, Zimbabwe. *Africa Education Review*, 17(2), 158-176. <https://doi.org/10.1080/18146627.2018.1549953>
- Oundo, A. S. (2017). Factors influencing implementation of English curriculum in public primary schools in Bungoma South sub-county, Bungoma county, Kenya. Published M.A. thesis, University of Nairobi.
- Phan, L. H. N. (2017). *Challenges/constraints in teaching today's English in Vietnam: Teachers' voices*. SEAMEO International TESOL Conference, Ho Chi Minh City.
- Phillips, B. M., Ingrole, S., Burris, P., & Tabulda, G. (2017). Investigating predictors of fidelity of implementation for a preschool vocabulary and language curriculum. *Early Child Development and Care*, 187(3-4), 542-553. <https://doi.org/10.1080/03004430.2016.1251428>
- Pietarinen, J., Pyhältö, K., & Soini, T. (2017). Large-scale curriculum reform in Finland - exploring the interrelation between implementation strategy, the function of the reform, and curriculum coherence. *The Curriculum Journal*, 28(1), 22-40. <https://doi.org/10.1080/09585176.2016.1179205>
- Riadi, A. (2019). An empirical study on Indonesian English-curriculum changes: Opportunities and constraints in an underdeveloped region. *Indonesian TESOL Journal*, 1(2), 39-52. <https://doi.org/10.24256/itj.v1i2.835>
- Saleem, M., & Akbar, A. R. (2020). Issues of English curriculum implementation at higher secondary level schools in Pakistan. *Review of Education, Administration and Law*, 3(2), 293-305. <https://doi.org/10.47067/real.v3i2.64>
- Torto, A. G. (2017). The implementation of the basic school English curriculum: The case of the Cape Coast Metropolis in Ghana. *Journal of Education and Practice*, 8(8), 166-175.
- Vu, T. T. (2020). *English language curriculum reform at the national level: A case of intentions and realities in Vietnam*. Published Ph.D. thesis, The University of Adelaide.